TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24/01/2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Văn Tâm;

Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Anh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 340/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vi Thị H, sinh năm 1993; thường trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Nhà trọ Võ Văn S thuộc tổ 2a, khu phố 2, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn B, sinh năm 1989; thường trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Nhà trọ Đặng Chí Th thuộc tổ 2, khu phố 5, phường N, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị H và ông Trần Văn B có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện G, tỉnh Lạng Sơn và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07, ngày 17/8/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào Bình Dương sinh sống nhưng trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong đời sống gia đình, ông B không quan tâm chăm sóc vợ con và thường xuyên đi uống rượu ở bên ngoài. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng bà H và ông B vẫn không thể hòa hợp được và hiện tại cả hai

đã ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Vi Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Vi Bảo H1, sinh ngày 10/10/2012 và Trần Thanh Tr, sinh ngày 04/7/2014. Khi ly hôn, bà Vi Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; không yêu cầu ông Trần Văn B cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Vi Thị H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, nguyên đơn bà Vi Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông B thống nhất lời trình bày của bà H về thời gian tìm hiểu, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại cả hai đã ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Trần Văn B đồng ý ly hôn với bà Vi Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Vi Bảo H1, sinh ngày 10/10/2012 và Trần Thanh Tr, sinh ngày 04/7/2014. Khi ly hôn, ông B đồng ý giao hai con chung cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng; ông B không cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Bà Vi Thị H và ông Trần Văn B tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà H xác định hiện nay vợ chồng không còn sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên mong muốn được ly hôn. Bị đơn ông B đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi hai con, xét thấy hiện nay bà H đang nuôi hai con, điều kiện chăm sóc tốt và các con có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi các con, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn; bị đơn đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thành phố T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Vi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị H và ông Trần Văn B có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện G, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07, ngày 17/8/2016, là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Vi Thị H xác định mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà H xác định không còn tình cảm với ông B và yêu cầu được ly hôn. Tại phiên tòa, ông B cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Vi Bảo H1, sinh ngày 10/10/2012 và Trần Thanh Tr, sinh ngày 04/7/2014. Khi ly hôn, bà Vi Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Tại phiên tòa, ông B đồng ý giao hai con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Vi Thị H không yêu cầu ông Trần Văn B cấp dưỡng nuôi hai con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vi Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Trần Văn B.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Vi Thị H được ly hôn với ông Trần Văn B.

- *Về con chung:* Giao hai con chung tên Trần Vi Bảo H1, sinh ngày 10/10/2012 và Trần Thanh Tr, sinh ngày 04/7/2014 cho bà Vi Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Vi Thị H và ông Trần Văn B đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vi Thị H không yêu cầu ông Trần Văn B cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Vi Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008128 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- UBND xã A, huyện G, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm